

STEP
3

かあ

お母さんと

あか

赤ちゃんの

けんこう

健康

Sức khỏe của mẹ và bé

12

さん ぶ けん こう しん さ

産婦健康診査

Kiểm tra sức khỏe của sản phụ

- 病院で 赤ちゃんを うんだ 後の お母さんの 健康を 確かめます。

●

赤ちゃんを うんでから 2週間くらいと 1か月くらいに 合わせて 2回 確かめて ください。
- Kiểm tra sức khỏe của mẹ sau khi sinh em bé tại bệnh viện.
- Vui lòng kiểm tra 2 lần vào thời điểm ứng với khoảng 2 tuần sau khi sinh và khoảng 1 tháng sau khi sinh.

13

げつ し けん こう しん さ

1か月児健康診査

Kiểm tra sức khỏe của trẻ 1 tháng tuổi

- 病院で 赤ちゃんの 健康を 確かめて ください。
- Vui lòng kiểm tra sức khỏe của bé tại bệnh viện

14

よ ぼう せつ しゅ

予防接種

Tiêm chủng dự phòng

- 子どもを 病気に かかりにくくする 注射を 打ちます。
- シール式接種券〔予防接種の 案内〕が 送られてきます。
- シール式接種券、 母子健康手帳、 保険証を 持って行って ください。
- 病院と これからの 予防接種を 受ける 日を 相談して ください。

●

Tiêm chủng để trẻ khó mắc bệnh hơn.

●

Phiếu tiêm chủng loại dán nhãn (hướng dẫn tiêm chủng dự phòng) sẽ được gửi đến bạn.

●

Vui lòng mang theo Phiếu tiêm chủng loại dán nhãn, Sổ tay sức khỏe mẹ và bé, thẻ bảo hiểm.

●

Vui lòng trao đổi với bệnh viện về ngày tiếp nhận tiêm chủng dự phòng sắp tới.

15

しん せい し にゅう し ほう もん

新生児・乳児訪問

Thăm khám trẻ sơ sinh và trẻ nhũ nhi

- 保健センターの 保健師〔子どもの 健康の 相談を できる人〕などが 家に 来て、 赤ちゃんが 元気に 育っているか 確かめます。
- 家に 来る 前に、 家に 来る 日を 決める 電話が かかって きます。
- 日本語が 苦手な 人は、 通訳が できる 人と 一緒にいて ください。

●

Y tá sức khỏe cộng đồng của trung tâm bảo vệ sức khỏe (người có thể tư vấn về sức khỏe của trẻ em), v.v... sẽ đến nhà, và kiểm tra tình trạng phát triển của em bé.

●

Bạn sẽ nhận được cuộc gọi để quyết định ngày đến thăm khám trước khi thăm khám.

●

Người không rành tiếng Nhật vui lòng ở cùng với người có thể thông dịch.

16

げつ し けん こう しん さ

3(4)か月児健康診査

Kiểm tra sức khỏe trẻ 3(4) tháng tuổi

- 保健センターで 赤ちゃんの 健康を 確かめます。
- 案内の 手紙が 保健センターから 届きます。
- 決められた 日に、 保健センターに 行って ください。
- お金は かかりません。

●

Kiểm tra sức khỏe của em bé tại trung tâm bảo vệ sức khỏe.

●

Bạn sẽ nhận được thư hướng dẫn từ trung tâm bảo vệ sức khỏe. Vui lòng đến trung tâm bảo vệ sức khỏe vào ngày đã được chỉ định.

●

Không tốn phí.

17

あか ほう もん

赤ちゃん訪問

Thăm khám em bé

- 地域の 児童委員〔子どもの 相談を できる 地域の 人〕が 家に 来て、 子育てサロンなどの 地域の 子育ての 情報を 教えてくれます。
- 困っていることや、 不安なことの 相談が できます。
- 日本語が 苦手な 人は、 通訳が できる 人と 一緒にいて ください。

●

Ủy viên nhi đồng tại địa phương (người tại địa phương có thể tư vấn về trẻ em) sẽ đến nhà, và cung cấp cho bạn những thông tin về việc nuôi dạy trẻ tại địa phương như (salon trông trẻ) v.v...

●

Bạn có thể trao đổi về những vấn đề khó khăn, và những điều bạn lo lắng, v.v...

●

Người không rõ tiếng Nhật vui lòng ở cùng với người có thể thông dịch.

18

にん さん ぶ し か しん さ

妊産婦歯科診査

Khám nha khoa cho thai phụ và sản phụ

- お母さんの 歯の 病気を 防ぐために、 歯医者に 行って ください。
- Vui lòng đến nha sĩ để phòng ngừa bệnh về răng cho người mẹ.

19

にゅう し けん こう しん さ

乳児健康診査

Kiểm tra sức khỏe trẻ nhũ nhi

- 病院で 赤ちゃんの 健康を 確かめて ください。
- Vui lòng kiểm tra sức khỏe của bé tại bệnh viện

20

さい げつ し けん こう しん さ

1歳6か月児健康診査

Kiểm tra sức khỏe trẻ 1 năm 6 tháng tuổi

21

さい し けん こう しん さ

3歳児健康診査

Kiểm tra sức khỏe trẻ 3 tuổi

- 保健センターで 赤ちゃんの 健康を 確かめます。
- 案内の 手紙が 保健センターから 送られてきます。
- 決められた 日に、 保健センターに 行って ください。
- お金は かかりません。

●

Kiểm tra sức khỏe của em bé tại trung tâm bảo vệ sức khỏe.

●

Thư hướng dẫn từ trung tâm bảo vệ sức khỏe sẽ được gửi đến bạn. Vui lòng đến trung tâm bảo vệ sức khỏe vào ngày đã được chỉ định.

●

Không tốn phí.

STEP
4

ほ いく じょ よう ち えん はい じゅん び

保育所・幼稚園に入る準備

Chuẩn bị cho bé đi nhà trẻ, trường mẫu giáo

22

えん てい かい ほう こ そだ

園庭開放・子育てサロンなど

Mở vườn trẻ, salon trông trẻ

- 保育所や 幼稚園に 入る 前の 子どもや 親が 交流したり、 子育ての 相談が できるところです。
- 場所や 時間は、 ウェブサイトや、 区役所、 保育所、 幼稚園で 知ることが できます。
- お金が かかることが あります。

●

Là nơi mà trẻ trên 3 tuổi đã không đi trường mẫu giáo hoặc nhà trẻ và phụ huynh có thể giao lưu với nhau

●

Địa điểm và thời gian được đăng trên trang web, và có hướng dẫn tại tòa thị chính quận, nhà trẻ, và trường mẫu giáo.

●

Có thể tốn phí.

23

ほ いく じょ はい

保育所に入る

Nhập học nhà trẻ

- 出産後に 親が 仕事する 場合などに、 子どもを 預けるところです。
- 区役所に 申し込んで ください。
- 4月から 入るときは、 前の 年の 10月から 12月に 申し込んで ください。 申し込む 前に 区役所に 相談して ください。

●

Là nơi để gửi trẻ trong trường hợp cha mẹ đi làm, v.v... sau khi sinh.

●

Vui lòng đăng ký tại tòa thị chính quận.

●

Vui lòng đăng ký trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 của năm trước nếu trẻ nhập học từ tháng 4. Vui lòng trao đổi với tòa thị chính quận trước khi đăng ký.

24

よう ち えん はい

幼稚園に入る

Nhập học trường mẫu giáo

- 保育所に 通っていない、 3歳になった 子どもが、 小学校に 入るまで 教育を 受けるところです。
- それぞれの 幼稚園に 申し込んで ください。

●

Là nơi mà trẻ trên 3 tuổi đã không đi nhà trẻ sẽ học cho đến khi vào trường tiểu học

●

Vui lòng đăng ký tại từng trường mẫu giáo.

この紙の 説明には 例外も あります。
Có thể có ngoại lệ với sự hướng dẫn trên giấy này

外国人のための子育てのページ
https://www.city.nagoya.jp/chikusa/page/0000140247.html

